

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN HAI BÀ TRƯNG  
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

-----  
Bản án số: 09/2019/KDTM-ST  
Ngày: 29 /8/2019  
V/v: tranh chấp hợp đồng mua bán  
hàng hóa

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HAI BÀ TRƯNG THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:*** Bà Lương Thị Thu Hà

***Các Hội thẩm nhân dân:***  
1. Bà Trần Thị Thọ  
2. Bà Nguyễn Thị Tuyết Trang

***-Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Lại – Thư ký Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thu Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 29/8/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 07/2018/TLST-KDTM ngày 06/2/2018 về tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn: Công ty TNHH C**

Trụ sở: H, thị trấn Đ, huyện Q, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn C – Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Tuấn A – nhân viên Công ty Luật F (theo giấy ủy quyền số 13 ngày 5 tháng 7 năm 2019)

(Có mặt)

**2. Bị đơn: Công ty TNHH B**

Trụ sở: Số H ngõ M phố L, phường Đ, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: ông Trần Thanh B – Giám đốc  
(vắng mặt)

## NỘI DUNG VỤ ÁN

### 1. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty THNN C

Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án đại diện theo ủy quyền của Công ty TNHH C trình bày:

Công ty TNHH C và Bị đơn là Công ty TNHH B đã ký các hợp đồng kinh tế sau đây:

- Hợp đồng mua bán số 2609-2016/CT-DK, ký ngày 26/09/2016, trong đó Công ty TNHH C bán 300 tấn tinh bột sắn sản xuất tại Việt Nam cho Công ty TNHH B với giá 7,200,000VNĐ/01 tấn. Tổng giá trị hợp đồng là **2.160.000.000VNĐ**.

- Hợp đồng mua bán số 02-2016/CT-DK ngày 27/10/2016, trong đó Công ty TNHH C bán 300 tấn tinh bột sắn sản xuất tại Việt Nam cho Công ty TNHH B với giá 7,300,000VNĐ/01 tấn. Tổng giá trị hợp đồng là **2.409.000.000VNĐ**.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, tính đến ngày 31/10/2016 Công ty TNHH C đã chuyển lượng tinh bột sắn cho Công ty TNHH B cùng với các chi phí phát sinh theo số liệu kế toán được hai bên đối chiếu, thống nhất, ký xác nhận với tổng số tiền là: **3.624.990.000VNĐ** (Ba tỷ, sáu trăm hai mươi bốn triệu, chín trăm chín mươi nghìn đồng). **Bảng Chi tiết công nợ- Công ty TNHH B lập ngày 30/11/2016 và 31/11/2016 đã đối chiếu và xác nhận của hai bên.**

Sau khi chốt công nợ, Công ty TNHH B không thanh toán tiền cho Công ty TNHH C mặc dù rất nhiều lần phía Bên bán nhắc nợ và yêu cầu trả tiền.

Hai bên thống nhất vẫn giữ nguyên số dư nợ cuối cùng là **3.624.990.000VNĐ** để làm cơ sở đối chiếu.

Trong đơn khởi kiện Công ty TNHH C đề nghị Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, giải quyết những vấn đề sau đối với Công ty TNHH B

- Yêu cầu Công ty B thanh toán tổng số tiền hàng còn nợ là 2.559.640.000 đồng.
- Công ty TNHH C còn yêu cầu Công ty TNHH B phải bồi thường tiền lãi phát sinh từ tiền hàng hóa đã giao nhận nhưng chậm thanh toán. Thời gian giao xong hàng là tháng 12/2016, tính đến nay; lãi suất tiền vay tạm tính 12%/năm/ hoặc lãi xuất huy động bằng 1,5 lần lãi suất cho vay của ngân hàng thương mại theo quy định.
- Công ty TNHH C yêu cầu phong tỏa tài khoản của Công ty TNHH B, cụ thể là:

Pháp nhân bị yêu cầu phong tỏa tài khoản: Công ty TNHH B; Mã số thuế: 0106840\*\*\*, do Sở KH&ĐT TP. Hà Nội ngày X;

Tài khoản yêu cầu phong tỏa: Tài khoản số 1500201097\*\*\* tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn - Chi nhánh Hà Nội;

Tổng số tiền yêu cầu phong tỏa là: 2.863.796.680VNĐ (*Bằng chữ: Hai tỷ tám trăm sáu mươi ba triệu, bảy trăm chín mươi sáu nghìn, sáu trăm tám mươi đồng*).

Lý do phong tỏa: Việc phong tỏa tài khoản để bảo đảm nghĩa vụ bồi thường thiệt hại theo yêu cầu/đề nghị của bên nguyên đơn.

Công ty TNHH T và bà Lê Thị Tuyết M là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bởi những lý do sau:

Trong quá trình thương thảo và ký kết 03 hợp đồng kinh tế ở trên đều có sự tham gia trực tiếp của ông Trần Thanh B, vợ là Lê Thị Tuyết M, cùng con trai là ông Trần Mạnh P. 03 người này có quan hệ ruột thịt và đều cam kết với phía Bên bán (Công ty TNHH C) là họ có quyền lợi chung, có nghĩa vụ chung và đều cùng nhau chịu nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH C đối với số hàng hóa mà chúng tôi sẽ giao theo 03 hợp đồng này.

Công ty TNHH T

MST: 0900986\*\*\* do Sở KH&ĐT tỉnh Hưng Yên cấp ngày Y;

Địa chỉ trụ sở: số M, phường Q, H, tỉnh Hưng Yên.

Người đại diện: ông Trần Mạnh P; Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ nơi ở: số H Ngõ M, phố L, p.Đ, quận H, Hà Nội.

Điện thoại liên hệ: 0903481\*\*\*- 0936528\*\*\*-0948609\*\*\*

Cá nhân: bà Lê Thị Tuyết M (vợ của ông Trần Thanh B);

Nơi ở: số H Ngõ M, phố L, phường Đ, quận H, TP. Hà Nội.

Điện thoại của Lê Thị Tuyết M: 0913238\*\*\*.

Quá trình tố tụng, Công ty C trình bày vì ban đầu đối trừ số tiền 1.065.350.000 đồng của Công ty T nên yêu cầu khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH B phải thanh toán số tiền nợ gốc là 2.559.640.000 đồng. Nhưng Công ty T có ý kiến không đồng ý đối trừ để giải quyết giữa Công ty T và Công ty C. Đây yêu cầu của nguyên đơn là:

- Yêu cầu Công ty B thanh toán tổng số tiền hàng còn nợ là 3.624.990.000VNĐ.

- Công ty TNHH C còn yêu cầu Công ty TNHH B phải bồi thường tiền lãi phát sinh từ tiền hàng hóa đã giao nhận nhưng chậm thanh toán. Thời gian giao xong

hàng là tháng 12/2016, tính đến nay; lãi suất tiền vay tạm tính 12%/năm/ hoặc lãi xuất huy động bằng 1,5 lần lãi suất cho vay của ngân hàng thương mại theo quy định.

- Không đưa Công ty TNHH T và bà Lê Thị Tuyết M vào tham gia với tư cách người có quyền, lợi, nghĩa vụ liên quan.

## 2. Ý kiến của bị đơn Công ty TNHH B

Quá trình tiến hành tố tụng đại diện bị đơn không lên, không lấy được lời khai của đại diện bị đơn.

## 3. Tại phiên tòa:

Tại phiên tòa ông B xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa nên Tòa án tiến hành xử vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Công ty TNHH B phải trả số tiền nợ gốc của hai hợp đồng là 3.624.990.000 đồng và tiền lãi chậm thành toán được tính trên số nợ gốc từ ngày 01/01/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

+ *Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:*

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, đều tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Những người tham gia tố tụng, đương sự đã được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

Về nội dung vụ án: Hai hợp đồng mua bán hàng hóa đã được ký kết giữa các bên hoàn toàn trên cơ sở tự nguyện, không trái pháp luật. Ngày 01 tháng 12 năm 2017, Công ty TNHH B và Công ty TNHH C đã có biên bản đối chiếu công nợ và hạn trả nợ: tính đến ngày 30/11/2017 Công ty TNHH B còn phải thanh toán cho Công ty TNHH C số tiền là: 3.624.990.000 đồng (ba tỷ sáu trăm hai mươi tư triệu chín trăm chín mươi nghìn đồng). Công ty TNHH B sẽ trả vào ngày 31/12/2017.

Do Công ty TNHH B vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với khoản tiền gốc là 3.624.990.000 đồng nên Công ty TNHH C khởi kiện yêu cầu Công ty B phải trả nợ gồm các khoản gốc, lãi là có căn cứ.

Quan điểm đề nghị: Buộc Công ty TNHH B phải thanh toán số tiền nợ gốc là 3.624.990.000 đồng và phải thanh toán tiền lãi phát sinh từ số tiền nợ gốc tính từ ngày 01/01/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm xét xử.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe các bên đương sự trình bày, ý kiến của Viện kiểm sát nhân quận Hai Bà Trưng, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng: : Công ty TNHH C khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH B trả nợ gốc, lãi theo hợp đồng mua bán hàng hóa, hiện nay Công ty TNHH B đăng ký kinh doanh và hoạt động tại Số H ngõ M phố L, phường Đ, quận H, thành phố Hà Nội, vì vậy đây là tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa thuộc thẩm quyền của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng.

Quá trình giải quyết vụ án, Đại diện hợp pháp của bị đơn đã được tổng đạt các Văn bản tố tụng sau: Thông báo thụ lý vụ án, giấy báo, thông báo ý kiến của nguyên đơn, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa. Việc tổng đạt văn bản tố tụng là hợp lệ theo quy định tại khoản 2 Điều 177 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nhưng đại diện hợp pháp của bị đơn không đến Tòa tham gia phiên họp và hòa giải, xin vắng mặt tại phiên tòa. Tòa án căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xử vắng mặt đại diện hợp pháp của bị đơn.

2. Về nội dung vụ án:

Đối với số tiền nợ gốc: Công ty TNHH C và Công ty TNHH B đã ký hai hợp đồng mua bán tinh bột sắn số 2609-2016/CT-DK ngày 26/09/2016 và hợp đồng số 02-2016/CT-DK ngày 27/10/2016. Tổng giá trị của hai hợp đồng là 4.569.000 đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ngày 01 tháng 12 năm 2017, Công ty TNHH B và Công ty TNHH C đã có biên bản đối chiếu công nợ và hạn trả nợ: tính đến ngày 30/11/2017 Công ty TNHH B còn phải thanh toán cho Công ty TNHH C số tiền là: 3.624.990.000 đồng (ba tỷ sáu trăm hai mươi tư triệu chín trăm chín mươi nghìn đồng). Vì vậy, xác định Công ty TNHH B còn nợ Công ty TNHH C số tiền nợ gốc là 3.624.990.000 đồng. Hội đồng xét xử buộc Công ty TNHH B phải thanh toán cho Công ty TNHH C số tiền nợ gốc như trên.

Đối với số tiền nợ lãi: Công ty TNHH C yêu cầu thanh toán số tiền 840.997.680 đồng (tám trăm bốn mươi triệu chín trăm chín bảy ngàn sáu trăm tám mươi đồng). theo mức lãi suất quá hạn trung bình 3 Ngân hàng Công thương Việt Nam, Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, thời gian quá hạn từ 01/01/2018 đến ngày 29/8/2019 (20 tháng).

Ngày 01 tháng 12 năm 2017, Công ty TNHH B và Công ty TNHH C đã có biên bản đối chiếu công nợ và hạn trả nợ: tính đến ngày 30/11/2017 Công ty TNHH B còn phải thanh toán cho Công ty TNHH C số tiền là: 3.624.990.000

đồng (ba tỷ sáu trăm hai mươi tư triệu chín trăm chín mươi nghìn đồng). Công ty TNHH Bsẽ trả vào ngày 31/12/2017. Yêu cầu tính thời gian quá hạn của nguyên đơn từ ngày 01/01/2018 đến khi xét xử sơ thẩm là có căn cứ.

Căn cứ theo Điều 306 Luật Thương mại thì Công ty TNHH B phải thanh toán tiền lãi trên số tiền chậm trả theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả. Theo Án lệ số 09/2016/AL thì mức lãi suất quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán được tính theo mức lãi suất quá hạn trung bình của ít nhất 3 ngân hàng tại địa phương. Hội đồng xét xử căn cứ mức lãi suất cho vay của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (8,5%/năm), Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (9%/năm) Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam (10,5%/năm), lãi suất cho vay quá hạn của 3 Ngân hàng đều bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn, xác định mức lãi suất quá hạn trung bình của 3 ngân hàng là 14%/năm. Chấp nhận yêu cầu nguyên đơn, buộc Công ty TNHH B phải trả số tiền nợ lãi cho Công ty TNHH C là 840.997.680 đồng (tám trăm bốn mươi triệu chín trăm chín bảy ngàn sáu trăm tám mươi đồng).

3. Về nghĩa vụ chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, công ty TNHH B phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Về mức án phí phải chịu: căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 và Danh mục mức án phí lệ phí Tòa án kèm theo, công ty TNHH B phải chịu mức án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: 112.465.987 đồng (một trăm mười hai triệu bốn trăm sáu mươi lăm ngàn chín trăm tám mươi bảy đồng).

Công ty TNHH C được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 44.500.000 đồng (bốn mươi triệu năm trăm ngàn đồng)

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại điều 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào Điều 24,50,306,319 Luật thương mại năm 2005; Điều 157, 357 Bộ luật dân sự năm 2015; Án lệ 09/2016/AL; Điều 147, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội và Danh mục mức án phí lệ phí Tòa án kèm theo.

#### **Xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH C đối với Công ty TNHH B.

2. Buộc Công ty TNHH B phải trả cho Công ty TNHH C số tiền nợ theo hợp đồng mua bán số 2609-2016/CT-DK ngày 26/9/2016, Hợp đồng mua bán số 02-2016/CT-DK ngày 27/10/2016 tính đến ngày 29/8/2019 nợ gốc 3.624.990.000 đồng (ba tỷ sáu trăm hai mươi tư triệu chín trăm chín mươi nghìn đồng), nợ lãi 840.997.680 đồng (tám trăm bốn mươi triệu chín trăm chín bảy ngàn sáu trăm tám mươi đồng), tổng: 4.465.987.680 đồng (bốn tỷ bốn trăm sáu mươi lăm triệu chín trăm tám bảy ngàn sáu trăm tám mươi đồng).

Từ ngày người được thi hành có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành không thi hành khoản tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm thi hành được xác định theo khoản 2 Điều 357, 468 Bộ luật Dân sự.

4. Án phí sơ thẩm: Công ty TNHH B phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 112.465.987 đồng (một trăm mười hai triệu bốn trăm sáu mươi lăm ngàn chín trăm tám bảy đồng)

Công ty TNHH C được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đã nộp 44.500.000 đồng (bốn tư triệu năm trăm ngàn đồng) theo Biên lai số 0003\*\*\* ngày 30/1/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng.

Trường hợp bản án có hiệu lực pháp luật được thi hành theo quy định của Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, Công ty TNHH C có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Công ty TNHH B vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND TP Hà Nội;
- Chi cục THADS TP Hà Nội.
- Lưu HS

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lương Thị Thu Hà**

